

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/08/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P6+BK21+AMD	7:25	0+0+14	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 4 pax p6-bk21
2		BK6+BK5+PPD	7:25	0+0+20	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 1 pax bk6-bk5
3		CTK3+BK16+BK14	9:25	13+9+0	0+0+0		4+5+13	0+0+0	chuyen 1 pax ctk3-bk16
4		VSP02+CLI+RP3	9:25	3+18+0	0+0+0		3+18+1	0+0+0	
5		T.UNG	11:00	13	0		19	0	
6		GTCL1+BK9+CTK3	11:25	8+0+14	0+0+0		4+0+18	0+0+0	chuyen 1 bk9- ctk3
7		CNV+TD5+CLI	11:25	2+4+15	0+0+0		1+3+16	0+0+0	
8		AMD+TTC2+PPD	13:25	0+5+11	0+0+0		3+0+19	0+0+0	
9		CTK3+RP1+CTCL	13:25	16+2+4	0+0+0		15+1+6	0+0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người bk6 về bờ để sau đi RC5, 1 người bk14 về bờ đi TTC2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P6 - BK21 - AMD	CREW: Dương - ĐNam - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH BICH NGOC	AMD	89-90	2	12		67	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN HIEU	AMD	385,485	2	17		88	TLJOC	Vietnamese
3	TRẦN LÊ HOA	AMD	98	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC TUÂN	AMD	295,297	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	91	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIỆU	AMD	92	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
7	LY CAO THĂNG	AMD	96	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH PHÚC ẨM	AMD	94	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	AMD	93	1	10	40	65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ PHAN NGỌC CHÂU	AMD	28	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THANH HÙNG	AMD	87-88	2	19		58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	AMD	388	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NHÂN	AMD	99	1	8		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	0	0	0	0	23	04	11	CHUYEN 04 PAX TU P6 SANG BK21
2	BK21	0	0	0	0	0	0		
3	AMD	14	18	123	1.007	40	22		
TOTAL		14	18	123	1.007	63	22		
WEIGHT KG				123	1.007	63			

GRAND TOAL: 1.193 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/08/2023	TO: BK6 - BK5 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - Thành	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ THANH HUNG	PPD	50-51	2	18		70	YTE	Vietnamese
2	DƯƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	41	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO MẠNH HUY	PPD	40	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	38-39	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	37	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC HIẾU	PPD	44	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	VÕ HỒ HAI	PPD	35	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN KHÁC LÂM	PPD	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	36	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG NGỌC TRƯỜNG	PPD	52-53	2	11		82	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐỨC TÔN	PPD	43	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH THẮNG	PPD	46	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT DŨNG	PPD	54	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO VIỆT ANH	PPD	49	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PPD				70	62	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THANH KIM	PPD	33-34	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	47	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI NGỌC DUNG	PPD	42	1			56	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THAI THỊNH	PPD	45	1	6		64	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	0	0	0	0	50	1	1	CHUYEN 1 PAX BK6-BK5
2	BK5	0	0	0	0	0	0		
3	PPD	20	22	121	1.371	70	21		
TOTAL		20	22	121	1.371	120	22		
WEIGHT KG				121	1.371	120			

GRAND TOAL: 1.612 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: CTK3 - BK16 - BK14	CREW: Dương - N.ANH - Vũ	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ BẢO AN	CTK3	91-92	2	15	14	75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	86	1	8		93	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TẤT THĂNG	CTK3	83	1	5		65	YTE	Vietnamese
4	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	85	1	7		70	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN DINH HAI	CTK3	81	1	10		70	SANBAY	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH TRUNG	CTK3	78-80	3	20		70	NHATHAU	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TẤT	CTK3	77	1	12		68	NHATHAU	Vietnamese
8	BOGDANOV EVGENII	CTK3	84	1	12		70	KH-THAC	Russian
9	TRỊNH QUỐC HUY	CTK3	82	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	90	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN DŨ	CTK3	87	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	89	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG ANH	CTK3	88	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ THANH LINH	BK16	36-37	2	14	50	73	VIỆN CN K	Vietnamese
15	PHẠM VĂN KHANG	BK16	45	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÀO KIM CUONG	BK16	38	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ MINH THĂNG	BK16	44	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯU ĐỨC TUÂN	BK16	41	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ HỮU HÀ	BK16	39-40	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN BÌNH	BK16	46	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN CUONG	BK16	43	1	20		60	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG THAI LONG	BK16	42	1	5		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	13	16	117	882	14	3	1	CHUYỂN 1 PAX CTK3-BK16 +1NB VE TU CTK3 ghê' ph
2	BK16	9	11	84	620	50	5		
3	BK14	0	0	0	0	35	14		
TOTAL		22	27	201	1.502	99	22		
WEIGHT KG				201	1.502	99			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/08/2023	TO: VSP02 - CLI - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - Thành	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN HƯƠNG	VSP02	76	1	12	89	52	BA SON	Vietnamese
2	NGÔ ĐÌNH NGUYỄN	VSP02	77	1	7	40	65	BA SON	Vietnamese
3	VŨ VĂN LỤC	VSP02	85-86	2	10		61	BA SON	Vietnamese
4	KHOROSHENKOV A.	CLI	14	1	5		75	KH-THAC	Russian
5	ĐỖ VĂN ĐOÀN	CLI	72	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HAI DƯƠNG	CLI	15-17	3	19		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ QUANG HÙNG	CLI	13	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC DŨNG	CLI	76	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TÂN HẬU	CLI					63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC THẮNG	CLI	79	1	11		85	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH VĂN HOÀNG	CLI	77	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	CLI	82-83	2	16		65	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THẨM	CLI	81	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI QUỐC HÙNG	CLI	80	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ LAM ĐIỀN	CLI	74-75	2	9		73	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VIỆT PHƯƠNG	CLI	73	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG ĐÌNH HUÂN	CLI	84	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ĐÌNH KHOA	CLI	71	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG NAM	CLI	70	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN VŨ	CLI	78	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM THANH HẢI	CLI	68-69	2	18	6	80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	3	4	29	178	129	3		
2	CLI	18	22	144	1.320	6	18		
3	RP3	0	0	0	0	11	1		
TOTAL		21	26	173	1.498	146	22		
WEIGHT KG				173	1.498	146			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/08/2023	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:00
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: MTiến - XTrường	ETA: 14:10
Xanh-3			

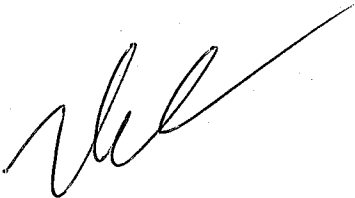
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI KIEN ĐỨC	T.UNG	74	1	5		92	NHATHAU	Vietnamese
2	ĐO XUAN CÔNG	T.UNG	72-73	2	20		52	NHATHAU	Vietnamese
3	TRẦN DUY TRỌNG	T.UNG	65-66	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC QUANG	T.UNG	57	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI QUANG ANH	T.UNG	68-69	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC NAM	T.UNG	61-62	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ QUỐC HUY	T.UNG	63-64	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN GIÁP	T.UNG	58-59	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN HUY THƯƠNG	T.UNG	55-56	2	15		85	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU TRUNG	T.UNG	67	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN DƯƠNG	T.UNG	60	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ ANH TUÂN	T.UNG	70-71	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

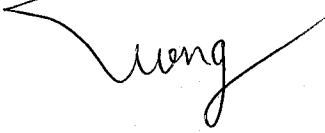
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	12	20	198	827	0	18		
TOTAL		12	20	198	827	0	18		
WEIGHT KG				198	827	0			

GRAND TOAL: 1.025 KGS

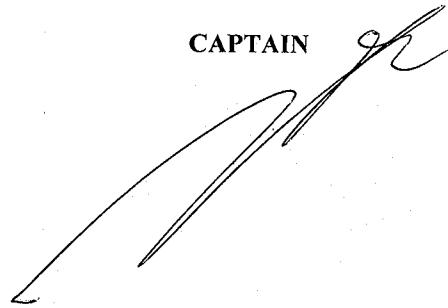
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 06	TO: GTC1 - BK9 - CTK3	CREW: KHOÀN - MTHAO - Toan	ETA: 14:00
TIM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU DINH QUANG	GTC1	73-74	2	19	20	79	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM XUAN VINH PHUC	GTC1	80	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN HUNG	GTC1					82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGHIA TIN	GTC1	81	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN BAC	GTC1	72	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG THANH SON	GTC1	75-77	3	19		69	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN NGOC TUAN ANH	GTC1	78-79	2	19	15	79	XAYLAP	Vietnamese
8	KIEU VAN TUAN	GTC1	83	1	3		70	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	41	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN BA HUE	CTK3	68	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	LE THANH CHUNG	CTK3					74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO QUANG THANG	CTK3	70	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI HUU HUAN	CTK3	74	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	75	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	69	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐAM VAN THANH	CTK3	51	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN DAT	CTK3	46	1	15	60	84	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN SON HA	CTK3	71	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
19	VU TRUNG KIEN	CTK3	73	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM HONG SON	CTK3	45	1	15		59	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN MINH KHOI	CTK3	72	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN KHUONG	CTK3	42	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	8	11	90	585	35	4		CHUYEN 1 PAX BK9-CTK3
2	BK9	0	0	0	0	0	0+		
3	CTK3	14	13	115	1.013	60	18		
TOTAL		22	24	205	1.598	95	22		
WEIGHT KG				205	1.598	95			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/08/2023	TO: CNV - TD5 - CLI	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Cuong - THỤ	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐƯƠNG	CNV	94-95	2	17	20	65	CO ĐIỆN	Vietnamese
2	PHÙNG BA ĐỀ	CNV	96-97	2	15		70	CO ĐIỆN	Vietnamese
3	TÀ NGỌC THANH	TD5	46-47	2	20	20	76	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN NGHỊ	TD5	43	1	15	15	66	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ THANH BÌNH	TD5	42	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN DUY KHANH	TD5	44-45	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH THẾ ANH	CLI	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ TRUNG QUÂN	CLI	86	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HỮU HÀ	CLI					75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BÌNH	CLI	83	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MINH ĐỨC	CLI	96-97	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN DÂN	CLI	93-94	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN PHƯƠNG	CLI	84-85	2	15		90	KH-THAC	Vietnamese
14	TÀ THANH QUANG	CLI	91	1	4	35	75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC TÀI	CLI	82	1	7	22	60	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG MẠNH THẮNG	CLI	88	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	CLI					74	PSV	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN DŨ	CLI	89	1	8		67	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THU TRANG	CLI	90	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	BUI NGỌC TÂN	CLI	95	1	3		60	PSV	Vietnamese
21	PHAN TRUNG THANH	CLI	92	1	3		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	2	4	32	135	20	1		
2	TD5	4	6	62	282	35	3		
3	CLI	15	16	84	1.052	57	16		
TOTAL		21	26	178	1.469	112	20		
WEIGHT KG				178	1.469	112			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/08/2023	TO: AMD - TTC2 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO - Toan	ETA: 16:20
VANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ĐOAN HUNG	TTC2	43	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
2	VU DINH LOI	TTC2	42	1	13		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN LE	TTC2	40	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN TUAN ANH	TTC2	41	1	10	50	90	KH-THAC	Vietnamese
5	VU XUAN TAM	TTC2	47	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
6	VO THANH NHAT	TTC2	39	1	7		80	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN DINH AN	PPD	24	1	6		56	PSV	Vietnamese
8	TRAN MAU SON	PPD	14	1	3		78	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC LINH	PPD	26	1	5		70	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NAM	PPD					55	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN TEO	PPD	28	1	6		57	PSV	Vietnamese
12	HOANG XUAN DONG	PPD	27	1	5		60	PSV	Vietnamese
13	VU ANH TUAN	PPD	13	1	7	55	70	CO DIEN	Vietnamese
14	DO VAN THANH	PPD	19	1	7	56	85	CO DIEN	Vietnamese
15	LE NGOC HAI	PPD	21	1	6	19	65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NAM	PPD	23	1	13	15	65	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM VAN HIEP	PPD	25	1	6		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	0	0	0	0	45	3		
2	TTC2	6	6	53	434	50	0		
3	PPD	11	10	64	736	145	19		
TOTAL		17	16	117	1.170	240	22		
WEIGHT KG				117	1.170	240			

GRAND TOAL: 1.527 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

[Signature]

[Signature]

pilot cầm đầu manifest



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:35
FLIGHT: 09	TO: CTK3 - RP1 - CTC1	CREW: TTrung - N.Cường - THU	ETA: 16:25
HONG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN BẢO	CTK3	52	1	7		65	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THÀNH VƯƠNG	CTK3	54,07	2	10		99	ANTOAN	Vietnamese
3	PHAN VĂN TUẤN	CTK3	66	1	5		72	PSV	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN KHANH	CTK3	73	1	3		72	PSV	Vietnamese
5	TRẦN ĐÌNH MINH	CTK3	67-68	2	6		84	PSV	Vietnamese
6	HOANG VĂN BÁC	CTK3					63	PSV	Vietnamese
7	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	70	1	3		68	PSV	Vietnamese
8	LÊ THANH TÙNG	CTK3	74	1	6		77	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH HOANG	CTK3	69	1	7		75	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH VIỆT	CTK3	71-72	2	15		65	DUY LINH	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH PHONG	CTK3	01-02	2	16		67	DUY LINH	Vietnamese
12	PHẠM HUY TÂN	CTK3	08,03	2	12		55	DUY LINH	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG HIỆU	CTK3	51,44	2	13		73	DUY LINH	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TỰ	CTK3	29	1	12		64	DUY LINH	Vietnamese
15	CÙ XUÂN HUY	CTK3	75	1	9		62	HLJOC	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH HUNG	CTK3	55	1	15	23	50	DUY LINH	Vietnamese
17	NGUYỄN BÁC HÀ	RP1	12	1	8	8	63	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG CAO CUONG	RP1	11	1	12		66	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐỨC	CTC1	67	1	13	70	79	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN TIẾP	CTC1	70,72	2	17	30	75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐẠI KHOA	CTC1	68	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	CTC1	69,71	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	21	139	1.111	23	15		
2	RP1	2	2	20	129	8	1		
3	CTC1	4	6	54	276	100	6		
TOTAL		22	29	213	1.516	131	22		
WEIGHT KG				213	1.516	131			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

pilot đã kiểm tra manifest

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/08/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P3+P7	7:25	19+1+1	0+0+0		17+0+5	0+0+0	
2		CIO+RP3+BK15	7:25	10+5+7	0+0+0		10+0+7	0+0+0	
3		CIO+TD2+MRM	9:25	17+0+5	0+0+0		4+11+2	0+0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD1 - P3 - P7	CREW: VThắng - HTrung - DTùng	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NHƯ BẢNG	TD1	39	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH HIẾU	TD1	51-52	2	12		85	KHOAN	Vietnamese
3	MAI VĂN HỘI	TD1	50	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN DUY	TD1	40-42	3	18		65	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN HOÀN	TD1	32-33	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ ĐỨC TOÀN	TD1	48	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM MINH THẮNG	TD1	55	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN MINH	TD1	53	1	5	80	67	KHOAN	Vietnamese
9	MAI ANH TUẤN	TD1	47	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỞNG DƯƠNG	TD1	49	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ TIẾN ĐƯƠNG	TD1	57	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
12	NGHIÊM XUÂN VIỆT	TD1	58	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC THẮNG	TD1	56	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	TD1	60	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
15	ĐOÀN TUẤN TỰ	TD1	44-46	3	19		75	KHOAN	Vietnamese
16	BADRETDINOV EDGAR	TD1	54	1	10		75	KHOAN	Russian
17	NGUYỄN QUANG ANH	TD1	59	1	10		72	ANTOAN	Vietnamese
18	TRƯƠNG TRỌNG THI	TD1	37	1	5		70	T-TIN	Vietnamese
19	PHẠM HUY ĐÌNH	TD1	38,43	2	15		63	T-TIN	Vietnamese
20	HOÀNG VĂN THẮNG	P3	77-78	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI VĂN QUẢN (1987)	P7	07	1	5	40	65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	26	163	1.358	80	17		CHUYỂN 01 PAX TỪ P3 SANG P7
2	P3	1	2	19	64	0	0		
3	P7	1	1	5	65	40	5		
TOTAL		21	29	187	1.487	120	22		
WEIGHT KG				187	1.487	120			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/08/2023	TO: CLO - RP3 - BK15	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - VLinH - Vũ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGỌC HOÀN	CLO	94-95	2	16		87	KHOAN	Vietnamese
2	VLASOV ALEKSANDR	CLO	01	1	5		90	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO				40	81	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ THỂ NANG	CLO	96	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TUÔNG LONG	CLO	98	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG KIM DƯƠNG	CLO	700	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ VĂN LONG	CLO	99	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN LÝ	CLO	97	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
9	HỒ CHIẾN THANG	RP3	30	1	8		60	CÓ ĐIỆN	Vietnamese
10	ĐINH MAI THIÊN	RP3	32	1	12		73	CÓ ĐIỆN	Vietnamese
11	LƯU QUANG ĐẠT	RP3	33	1	10		73	CÓ ĐIỆN	Vietnamese
12	MAI ĐÌNH KHANG	RP3	35-36	2	11	25	48	CÓ ĐIỆN	Vietnamese
13	ĐO VIỆT LONG	RP3	29	1	8		60	CÓ ĐIỆN	Vietnamese
14	PHI DUY HOÀN	RP3	31	1	10		70	CÓ ĐIỆN	Vietnamese
15	PHẠM HUYNH CUÔNG	RP3	34	1	20		85	CÓ ĐIỆN	Vietnamese
16	VŨ QUANG DƯƠNG	BK15	71	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN THANH QUANG	BK15	72-73	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC VƯỢNG	BK15	76-77	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
19	PHÙNG VĂN PHƯƠNG	BK15	74	1	8		61	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN HỮU ĐỨC	BK15	75	1	11	20	86	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN CƠ THẠCH	BK15	38	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese
22	NHÂM NGỌC THÀNH	BK15	70	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

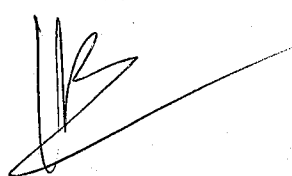
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	8	8	44	608	40	8		
2	RP3	7	8	79	469	25	0		
3	BK15	7	9	99	494	20	7		
TOTAL		22	25	222	1.571	85	15		
WEIGHT KG				222	1.571	85			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

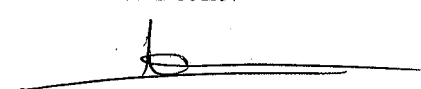
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: CLO - TD2 - MRM	CREW: VThắng - HTrung - DTùng	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THO	CLO	85	1	13		79	KHOAN	Vietnamese
2	DO HUY BINH	CLO	86	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM NAM HAI	CLO	89-90	2	12		80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN GIN	CLO	72,75	2	14		67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH HAI	CLO	83	1	20		80	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VAN ANH	CLO	78	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM TRAN TUAN AN	CLO	80	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
8	VU VAN GIANG	CLO	77	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN DUNG	CLO	87-88	2	25		85	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG ĐỨC HÀ	CLO	82	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC DINH	CLO	81	1	14		95	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC THACH	CLO	79	1	6		58	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYEN TUAN DUONG	CLO	71	1	12		83	DVL	Vietnamese
14	DUONG THE DUC	CLO	70	1	13		77	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC NINH	CLO	76	1	19		74	DVL	Vietnamese
16	HUYNH VU TINH	CLO	91	1	10		65	DVL	Vietnamese
17	PIYACHET CHAISORN	MRM	99,1000	2	22		88	SCHLUMB	Thailand
18	NGUYEN THE TRA	MRM	97-98	2	19		65	SCHLUMB	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THONG	MRM	22-23	2	15	5	63	SCHLUMB	Vietnamese
20	NIYATI ISSARAPREEDA	MRM	26-27	2	20		74	SCHLUMB	Thailand
21	DINH TRAN DUC TRI	MRM	24-25	2	10		60	SCHLUMB	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	16	19	217	1.227	0	6		
2	TD2	0	0	0	0	0	11		
3	MRM	5	10	86	350	5	2		
TOTAL		21	29	303	1.577	5	19		
WEIGHT KG				303	1.577	5			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

YNHS REP.

CAPTAIN

pilot cam du manifest